

## TẠO VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ QUA CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẠI XÃ QUỐC KHÁNH, HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Phương Đại<sup>1</sup>, Nguyễn Tiên Phong<sup>2</sup>,  
Đỗ Đức Quang<sup>3</sup>, Nguyễn Huy Ngọc<sup>4</sup>

### Tóm tắt

*Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo việc làm, trong đó có các hoạt động phát triển kinh tế cho lao động dân tộc thiểu số (DTTS) cả nước nói chung, Lạng Sơn nói riêng. Bài báo này thực hiện đánh giá các hoạt động phát triển kinh tế tại xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thông qua nguồn số liệu thứ cấp và sơ cấp kết hợp với phương pháp phân tích thống kê mô tả và phương pháp so sánh. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các tồn tại hạn chế trong các hoạt động phát triển kinh tế ở xã Quốc Khánh là do nhiều nguyên nhân khác nhau như quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chất lượng của lao động cũng như người thực hiện chính sách còn thấp, hoạt động đào tạo nghề chưa hiệu quả. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số giải pháp chủ yếu như: Thúc đẩy xuất khẩu lao động, tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hỗ trợ vay vốn, tăng cường đào tạo nghề, nâng cao cơ sở hạ tầng nhằm giải quyết những tồn tại, hạn chế góp phần đưa kinh tế xã Quốc Khánh ngày càng phát triển.*

**Từ khóa:** Tạo việc làm, DTTS, lao động, xã Quốc Khánh.

## CREATING EMPLOYMENT FOR ETHNIC GROUP LABOR THROUGH ECONOMIC DEVELOPMENT ACTIVITIES IN QUOC KHANH COMMUNE TRANG DINH DISTRICT, LANG SON PROVINCE

### Abstract

*Over the past years, the Party and State have deployed many policies and initiatives to create jobs, including economic development activities for ethnic labor throughout the country in general and in Lang Son province in particular. This paper reviews the economic development activities in Lang Son province through primary and secondary data sources combined with descriptive statistical methods and comparative analysis methods. The research results show the constraints in economic development activities in Trang Dinh Commune are due to many reasons such as the slow economic restructuring, the low quality of employees and policy takers, as well as ineffective vocational training. The study also identifies a number of key measures to address the constraints and foster socio-economic growth of Quoc Khanh commune including promoting labor export, enhancing economic restructuring, lending support capital and vocational training together with improving basic infrastructure.*

**Key words:** Job creation, ethnic group labor, unemployment, Trang Dinh Commune.

### 1. Đặt vấn đề

Quốc Khánh là cửa ngõ phía Đông biên giới của huyện Tràng Định, có vị trí thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa với phía Trung Quốc, thúc đẩy việc phát triển hoạt động thương mại. Song cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác an ninh quốc phòng, cũng như quản lý đất đai với chiều dài đường biên giới là 14 km. Vấn đề giải quyết việc làm cho lao động đồng bào dân tộc thiểu số của xã thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như: Tình trạng dư thừa lao động và thiếu việc làm trên địa bàn xã còn tương đối cao; thời gian rảnh rỗi của nông hộ còn khá nhiều; thu nhập bình quân của hộ chưa cao, đặc biệt là các hộ nghèo mức thu nhập của họ quá thấp so với

mật bằng chung của xã; cơ cấu lao động của xã mất cân đối, thiếu lao động kỹ thuật, lao động đã qua đào tạo. Vì vậy gây nên tình trạng vừa thừa vừa thiếu lao động. Ngoài ra, số người không có việc làm ở xã hầu hết là lao động phổ thông, không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế hiện nay của xã; do điều kiện cơ sở vật chất của xã còn thiếu, vì vậy quy mô về số lượng đào tạo còn ít, ngành nghề đào tạo còn hạn chế. Số lao động có việc làm mới còn ít, công tác đào tạo nghề đã được các ngành, các cấp quan tâm song kết quả đạt được còn thấp và chưa thực sự gắn với nhu cầu do thiếu thông tin về thị trường lao động. Việc tư vấn học nghề cho người lao động chưa gắn với khả năng của họ mà theo xu hướng

ngành đang được nhiều người ưa chuộng trên thị trường. Các trung tâm giới thiệu việc làm liên kết với xã còn hạn chế về số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên trung tâm chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của thị trường lao động.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### *Thu thập thông tin thứ cấp*

Sưu tầm, thu thập số liệu thứ cấp: Những số liệu liên quan đến đề tài đã được công bố của các cơ quan thống kê các cấp, các trường đại học, báo cáo của UBND huyện Trảng Định, báo cáo của các cơ quan nghiên cứu, kết quả nghiên cứu của các đề tài có cùng nội dung.

Phân tích tài liệu, cập nhật, hệ thống hoá những thông tin, vấn đề phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài.

### *Thu thập thông tin sơ cấp*

#### *- Chọn điểm nghiên cứu:*

Xã Quốc Khánh - Huyện Trảng Định có 30 thôn, xã có ranh giới giáp với Trung Quốc, để thực hiện nghiên cứu thực trạng thiếu việc làm của lao động dân tộc thiểu số của huyện, nghiên cứu lựa chọn 03 xã đại diện cho 3 vùng khác nhau:

*Vùng trung tâm:* Chọn thôn Long Thịnh là thôn phát triển nhất của xã, có làng nghề và tỉ lệ người làm tiểu thủ công nghiệp là cao nhất. Nơi đây là địa điểm đặt trụ sở UBND xã Quốc Khánh và một số đơn vị hành chính sự nghiệp.

*Vùng giáp biên giới Trung quốc:* Chọn thôn Nà Nua được chọn làm điểm nghiên cứu do thôn có lực lượng lao động đông đảo nhất và là nơi có nhiều hộ làm phi nông nghiệp (thương mại, buôn bán).

*Vùng xa trung tâm:* Chọn thôn Lùng Xá là thôn nằm xa trung tâm xã, nơi đây thu nhập của người dân khá thấp, đời sống của người dân chủ yếu là làm lâm, nông nghiệp. Công tác giải quyết việc làm thực hiện chưa hiệu quả.

#### *- Đối tượng điều tra:*

Các lao động dân tộc thiểu số vùng biên giới của xã Quốc Khánh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn nghiên cứu. Nghiên cứu áp dụng công thức chọn mẫu dựa theo tỷ lệ trong tổng thể:

$$n = \frac{Nz^2p(1-p)}{N\epsilon_p^2 + z^2p(1-p)}$$

Trong đó n – cỡ mẫu, N cỡ của tổng thể, p tỷ lệ của lao động DTTS trong tổng thể; Z thống kê laplace,  $\epsilon$  – phạm vi sai số chọn mẫu (trong nghiên cứu này tác giả sử dụng hệ số  $\epsilon = 5\%$ ). (Nguyễn Thị Cành, 2004). Áp dụng công thức trên, với N = 4.685; Z = 1,96; P = 0,88 xác định được số lao động DTTS cần phải điều tra là: 73, tuy nhiên để đảm bảo độ tin cậy trong nghiên

cứu, tác giả điều tra mỗi thôn 60 lao động. Như vậy tổng số lao động được điều tra trong nghiên cứu này là 180.

### *Các phương pháp phân tích*

#### *- Phương pháp thống kê mô tả:*

Phương pháp này sử dụng hệ thống các chỉ tiêu thống kê để phân tích biến động và xu hướng biến động việc làm và giải quyết việc làm cho lao động DTTS xã Quốc Khánh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

#### *- Phương pháp so sánh*

Trong nghiên cứu này, tác giả sẽ so sánh các chỉ tiêu phản ánh quy mô lao động, việc làm của lao động dân tộc thiểu số ở Xã Quốc Khánh huyện Trảng Định theo thời gian, theo không gian nhằm phát hiện ra những điểm khác biệt về số lượng, chất lượng lao động, việc làm và tỉ lệ có việc làm.

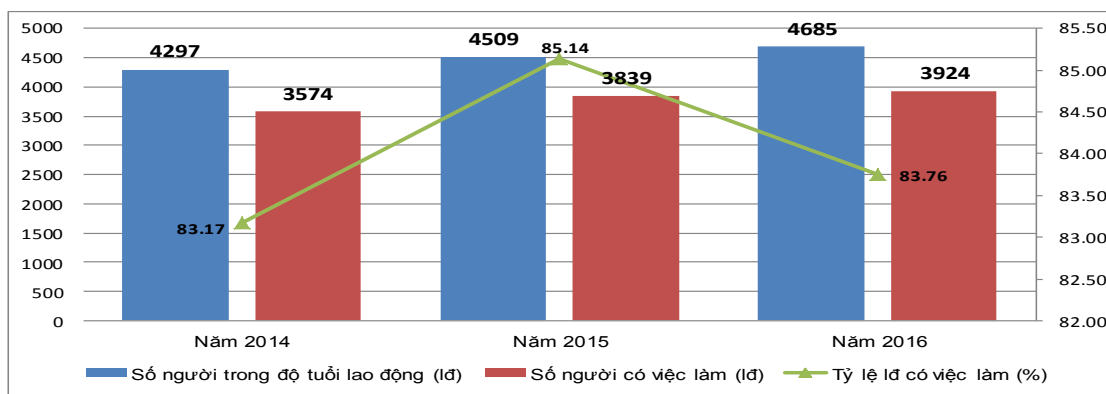
## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Thực trạng lao động xã Quốc Khánh

Năm 2016, toàn xã có 4685 người trong độ tuổi lao động, trong đó số lao động có việc làm là 3924 lao động, chiếm 83,76% tổng số lao động toàn xã. Trong đó, lao động nông nghiệp giảm từ 82,5% năm 2014 xuống còn 63,03% năm 2016, lao động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng từ 11,39% năm 2014 đến 24,07% năm 2016 và lao động thương mại dịch vụ tăng từ 5,05 đến 12,14 trong 3 năm. Lao động nam chiếm tỷ lệ cao hơn lao động nữ (lao động nam chiếm 51,67 % tổng số lao động). Lao động trong độ tuổi 45 – 60 tuổi chiếm 25%, đây là độ tuổi chủ yếu sản xuất nông nghiệp nhưng với phương thức sản xuất truyền thống lạc hậu, manh mún, nhỏ lẻ.

Trong giai đoạn 2014 - 2016 tỷ lệ lao động có việc làm tương đối ổn định ở mức 83%. Riêng trong năm 2015 số lượng lao động có việc làm tăng lên hơn 85% là do trong năm này có nhiều lao động này di chuyển sang bên trung quốc trồng rừng thuê với thời gian từ 3 - 6 tháng. Các lao động này đi làm thuê thuộc đối tượng các hộ gia đình ít đất sản xuất, hoặc diện tích đất không chủ động nước tưới nên tỷ lệ thời gian nhàn rỗi cao, họ lại có nhiều nhu cầu tìm việc làm.

Nguyên nhân của hiện tượng trên là do xã Quốc Khánh là xã thuần nông, nông nghiệp vẫn giữ vai trò là ngành chính trong sự phát triển của kinh tế xã. Mà đặc trưng của sản xuất nông nghiệp là mang tính thời vụ, thời gian lao động phụ thuộc rất lớn vào đặc trưng sinh học của cây trồng, vật nuôi. Mặt khác, lao động tham gia vào ngành này không đòi hỏi khắt khe về trình độ do đó đây vẫn là ngành có nhiều lao động tham gia, đặc biệt là những người lao động trung tuổi trở lên.



Biểu đồ 1. Thực trạng lao động và việc làm của xã Quốc Khánh

Nguồn: UBND xã Quốc Khánh

Lao động thất nghiệp chiếm tỷ lệ bình quân 17% trong tổng số người trong độ tuổi lao động. Số lao động thất nghiệp đa số là lao động trẻ do họ không tìm được công việc phù hợp với mình và một số lao động thời vụ.

### 3.2. Các hoạt động phát triển kinh tế nhằm giải quyết thực trạng thiếu việc làm

#### 3.2.1. Phát triển kinh tế hộ gia đình

Phát triển kinh tế hộ gia đình là giải pháp tạo việc làm tại chỗ phù hợp với mọi lứa tuổi, tận dụng được mọi nguồn lực tại chỗ như đất đai, tài

nguyên thiên nhiên, huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong dân, lao động dư thừa... Đối với loại hình kinh tế này có sự hợp tác và phân công lao động trong gia đình rất linh hoạt và có hiệu quả. Chỉ có phát triển kinh tế hộ gia đình mới thu hút được các loại lao động trong gia đình đặc biệt là phụ nữ, trẻ em, lao động đã lớn tuổi,... mà không phân biệt trình độ chuyên môn, học vấn. Bảng 1 phản ánh tình hình chăn nuôi của xã theo số liệu thống kê năm 2016.

Bảng 1: Tình hình chăn nuôi tại xã Quốc Khánh năm 2016

Loại con \ Chỉ tiêu	Số lượng (con)	Giá trị (tỷ đồng)
Lợn	1.428	6,6
Trâu bò	1.200	24,0
Gia cầm	27.060	23,5

Nguồn: Tổng hợp số liệu thống kê xã Quốc Khánh

Hiện nay, tình hình chăn nuôi trên địa bàn xã chủ yếu là nhỏ lẻ, tự phát chưa có sự đầu tư, chuồng trại còn sơ sài, người dân chủ yếu chăn nuôi dựa trên kinh nghiệm, mang lại lợi nhuận chưa cao, chưa kể tới việc chăn nuôi tại gia gây ảnh hưởng tới môi trường, không chỉ môi trường chung mà còn ảnh hưởng tới môi trường làm việc cũng như của những hộ dân lân cận khác, gây ra ảnh hưởng không tốt. Xuất phát từ những yếu điểm trên mà trong thời gian này, xã đã lên kế hoạch khuyến khích người dân thành lập những khu chăn nuôi tập trung, trên cánh đồng của các thôn, tách biệt ra khỏi khu dân cư, một phần để giảm thiểu ô nhiễm tới khu dân cư, một phần khi chăn nuôi tập trung người dân sẽ tiện chăm sóc, và như thế cũng sẽ nâng cao hiệu quả về năng suất. Để khắc phục những khó khăn khi người dân bước đầu chuyển đổi từ chăn nuôi tự phát sang chăn nuôi lợn tập trung xã đã quyết định có các chính sách hỗ trợ như, hỗ trợ về vốn, kỹ thuật cho

các hộ gia đình để xây dựng được các khu chăn nuôi đạt tiêu chuẩn. Bên cạnh những dự án về chăn nuôi tập trung, xã còn khuyến khích các hộ gia đình trồng cây vụ đông để tăng thêm thu nhập, hiện nay trên đại bàn xã có 527 ha gieo trồng lúa mỗi năm thu khoảng 16,9 tỷ đồng, ngoài ra có khoảng 118 ha cây vụ đông mỗi năm thu về khoảng 1,65 tỷ đồng.

Có thể thấy các giải pháp về phát triển chăn nuôi tập trung hay phát triển cây vụ đông là biện pháp giải quyết việc làm tốt vì nó giúp người lao động có việc làm mà không phải chuyển đổi nghề nghiệp, người dân sản xuất bằng tư liệu sản xuất quen thuộc, dựa trên kinh nghiệm, không yêu cầu trình độ cao hay tuổi tác của lao động. Đây cũng là biện pháp khai thác triệt để nguồn tài nguyên về đất, lao động trên địa bàn xã, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của người dân.

### 3.2.2. Phát triển Tiểu thủ công nghiệp và Làng nghề

Việc phát triển và khôi phục làng nghề có tác động lớn vào cơ cấu kinh tế của xã nói chung và hộ gia đình nói riêng, đặc biệt là trên góc độ việc làm. Phát triển làng nghề là biện pháp giải quyết việc làm hiệu quả cho lao động nông thôn trong xã, bên cạnh đó còn góp phần chuyển dịch cơ cấu nông, công nghiệp, dịch vụ, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống cho lao động xã.

Hiện nay trên địa bàn xã có khá nhiều nghề truyền thống như nghề mây tre đan, dệt, làm mộc, làm Bún, gạch Nung,... Chủ yếu là hoạt động tại gia đình, thu hút nhân công từ 1 - 2 cho tới cả chục lao động,... giá trị sản lượng sản xuất ra khá lớn và đa dạng mặt khác các sản phẩm được tiêu thụ trên thị trường nhận được nhiều phản ứng tốt của khách hàng, tuy thị trường tiêu thụ còn nhỏ hẹp nhưng các tổ chức và cá nhân trong làng nghề đã hình thành được phương thức tiêu thụ của riêng mình.

Việc phát triển ngành nghề tại các địa phương là vấn đề quan trọng có tác động trực tiếp đến đời sống của người dân, không những làng nghề còn là giá trị truyền thống cần được bảo tồn và phát triển, nuôi dưỡng về mặt tinh thần cho người dân. Bởi vậy cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho việc phát triển nghề nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho các hộ dân

### 3.2.3. Phát triển du lịch cộng đồng

Du lịch cộng đồng là một lĩnh vực còn khá mới mẻ đối với xã nói chung và người dân trong xã nói riêng, nhưng với lợi thế là địa phương có nhiều lễ hội (lễ hội Lồng Tồng, Báo SLAO), và đền, chùa. Nhận thấy được tiềm năng mà du lịch cộng đồng mang lại, chính quyền xã đã lên kế hoạch tổ chức, cũng như thực hiện nhiều biện pháp nhằm thu hút thêm nhiều khách du lịch đến với địa phương. Trong những năm tới xã có kế hoạch phát triển hơn nữa mô hình du lịch cộng đồng để góp phần tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

### 3.2.4. Phát triển thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nó không những mang lại thu nhập cho một bộ phận dân cư mà nó còn tạo điều kiện cho các ngành kinh tế khác phát triển trong cơ chế thị trường hiện nay. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn xã mới chỉ có hỗ trợ được cho 3 lao động cung cấp nguồn hàng nhằm phát triển thương mại - dịch vụ. Ngoài ra, người lao động chủ yếu tự mở các cửa hàng tạp hóa để kinh doanh, tìm mồi cung cấp thức ăn chăn nuôi, đầu vào cho sản xuất nông nghiệp để bán hưởng phần trăm. Tuy nhiên việc phát triển kinh

tế còn chậm, quy mô vẫn còn nhỏ lẻ, số lượng lao động được giải quyết việc làm vẫn còn thấp. Lao động được giải quyết việc làm vẫn còn có mức lương thấp, không đủ phục vụ nhu cầu cuộc sống. Nhiều đơn vị kinh doanh các ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại dịch vụ tuy mở rộng sản xuất kinh doanh nhưng lại không thuê lao động trên địa bàn, do đó hiệu quả giải quyết việc làm vẫn chưa cao.

### 3.2.5. Hỗ trợ vay vốn

Trong 3 năm 2014 - 2016 chính quyền các cấp đã có các chương trình giải quyết việc làm quốc gia bằng cách cho các hộ nông dân vay vốn sản xuất. Bên cạnh đó, nhiều ngân hàng đã có các nỗ lực trong thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn như ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn, ngân hàng chính sách xã hội tỉnh. Nguồn vốn cho vay góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất ở nông thôn phát triển, làm thay đổi bộ mặt nông thôn theo hướng tiến bộ.

Trong tổng số 180 lao động điều tra có 71 lao động có vay vốn, chiếm 39,4% tổng số lao động điều tra. Tuy nhiên, trong đó có 34 lao động được vay vốn hỗ trợ từ các tổ chức đoàn thể và ngân hàng NN & PTNT chiếm 47,79 % tổng số lao động điều tra, còn lại các lao động chủ yếu vay vốn từ bạn bè, người thân và những người cho vay lãi.

Người lao động vay ở các tổ chức, đoàn thể là 6 người, chiếm 8,69% tổng số lao động vay vốn. Khi vay vốn ở các tổ chức này thì các tổ chức này sẽ đứng ra tín chấp với ngân hàng cho người lao động vay vốn và vay với lãi suất thấp hơn, nhưng hạn chế của kênh vay vốn này là thủ tục phức tạp, khó vay, chỉ có hội viên mới được vay và số lượng vốn vay tối đa thấp. Nên các lao động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ muốn kinh doanh hay mở rộng sản xuất thường vay ở ngân hàng hoặc những người cho vay lấy lãi.

Kết quả tại bảng 2 cho thấy ý nghĩa quan trọng của hoạt động hỗ trợ vay vốn đối với công tác giải quyết việc làm tại xã. Cụ thể, trong 180 lao động điều tra, có 43 lao động vay vốn và đã góp phần giải quyết việc làm cho 43 lao động trên địa bàn xã. Trong đó, số lao động được hỗ trợ vay vốn từ ngân hàng chính sách đã góp phần giải quyết việc làm cho 25 lao động. Có thể thấy hoạt động hỗ trợ vay vốn đã đóng vai trò quan trọng trong công tác giải quyết việc làm cho người lao động.

**Bảng 2: Thực trạng giải quyết việc làm thông qua hoạt động hỗ trợ vay vốn của lao động từ kết quả điều tra**

Nội dung	Số lao động vay vốn		Số LĐ được giải quyết việc làm sau khi vay vốn	
	SL ( người)	CC (%)	SL ( Người)	CC (%)
Tổng số lao động điều tra	180	100		
Tổng số lao động vay vốn	71	39,4	43	100
<b>Nguồn vốn vay</b>				
- Các tổ chức, đoàn thể	6	8,69	3	8,1
- Ngân hàng NN & PTNT và NHCS	28	39,1	25	58,3
- Bạn bè, người thân	29	41,2	14	32,3
- Người cho vay lãi	8	11,01	1	1,3

*Nguồn: Tổng hợp số liệu từ điều tra và khảo sát, của tác giả, 2016*

### 3.3. Những tồn tại, hạn chế trong giải quyết việc làm cho lao động xã Quốc Khánh thời gian qua

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn xã Quốc Khánh, huyện Trảng Định còn bộc lộ một số hạn chế như:

Tình trạng dư thừa lao động và thiếu việc làm trên địa bàn xã còn tương đối cao. Thời gian rảnh rỗi của nông hộ còn khá nhiều. Thu nhập bình quân của hộ chưa cao, đặc biệt là các hộ nghèo mức thu nhập của họ quá thấp so với mặt bằng chung của xã.

Cơ cấu lao động của xã mất cân đối, thiếu lao động kỹ thuật, lao động đã qua đào tạo. Vì vậy gây nên tình trạng vừa thừa vừa thiếu lao động. Số người không có việc làm ở xã hầu hết là lao động phổ thông, không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế hiện nay của xã.

Do điều kiện cơ sở vật chất của xã còn thiếu, vì vậy quy mô về số lượng đào tạo còn ít, ngành nghề đào tạo còn hạn chế. Số lao động có việc làm mới còn ít, công tác đào tạo nghề đã được các ngành, các cấp quan tâm song kết quả đạt được còn thấp. Công tác đào tạo nghề chưa thực sự gắn với nhu cầu do thiếu thông tin thị trường lao động. Việc tư vấn học nghề cho người lao động chưa gắn với khả năng của họ mà theo xu hướng ngành đang được nhiều người ưa chuộng trên thị trường.

Các trung tâm giới thiệu việc làm liên kết với xã còn hạn chế về số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên trung tâm chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của thị trường lao động.

### 3.4. Những nguyên nhân dẫn đến các tồn tại trong giải quyết việc làm thời gian qua

#### 3.4.1. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Nhiều diện tích đất nông nghiệp còn chưa được sử dụng hợp lý và đúng mục đích. Ngành công nghiệp vẫn chưa được đầu tư khai thác các

tiềm năng sẵn có cũng như tận dụng lợi thế vị trí địa lý thuận lợi. Ngành dịch vụ thương mại cũng chưa phát triển. Chất lượng dịch vụ chưa được nhà quản lý thực sự quan tâm đến. Cơ sở hạ tầng dịch vụ lạc hậu chưa được quan tâm xây dựng.

Trong những năm qua địa phương đã đầu tư xây dựng các công trình công cộng, khiến diện tích đất canh tác nông nghiệp của nhiều thôn bị thu hẹp kéo theo bộ phận không nhỏ nông dân thiếu việc làm. Không còn đất canh tác, người nông dân trong độ tuổi lao động, không có nghề phụ, họ đang rất khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm mới.

Đây là nguyên nhân dẫn đến cơ cấu lao động có việc làm theo khu vực và ngành nghề kinh tế mất cân đối và tình trạng khó khăn trong giải quyết việc làm cho hộ lao động bị thu hồi đất.

#### 3.4.2. Chất lượng lao động còn kém

Nguồn lao động được xem là yếu tố quan trọng để phát triển nền kinh tế - xã hội. Xét dưới các góc độ về số lượng (theo tuổi, lao động, giới) và chất lượng lao động (trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật). Chất lượng nguồn lao động là một yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới vấn đề về sử dụng lao động và tạo việc làm cho lao động.

Nhìn chung, chất lượng lao động của xã còn thấp trong đó số lao động qua đào tạo còn khá thấp so với nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo như hiện nay.

Nguyên nhân chủ yếu của sự yếu kém về chất lượng lao động ở các vùng là do lao động bỏ học sớm để đi làm việc mưu sinh và bỏ học lập gia đình sớm. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng nguồn lao động thời điểm hiện tại và tương lai.

#### 3.4.3. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thiếu, yếu

Mạng lưới dạy nghề chưa phát triển. Quy mô số học sinh dạy nghề tốt nghiệp của dạy nghề dài hạn và dạy nghề thường xuyên vẫn chiếm tỷ lệ thấp trong cơ cấu dạy nghề.

Đại bộ phận cán bộ quản lý tại các trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề là những giáo viên có trình độ kinh nghiệm trong giảng dạy nhưng lại yếu kém trong công tác tổ chức quản lý đào tạo, bởi đại đa số đội ngũ giáo viên họ chưa được đào tạo về năng lực tổ chức quản lý. Trang thiết bị dạy và học nghề của nhiều cơ sở nhất là trung tâm dạy nghề vẫn còn thiếu và lạc hậu do tổng số vốn đầu tư cho cơ sở vật chất trang thiết bị dạy nghề còn thiếu. Một số vốn đầu tư quá nhỏ so với yêu cầu bởi hầu hết các trang thiết bị dạy và học nghề có giá trị lớn.

Do hầu hết các học viên nghề xuất phát từ những lao động phổ thông có trình độ thấp. Họ là những người lao động chân tay trong nông nghiệp, đa số chưa được phổ cập giáo dục, do đó họ chưa có kỹ năng nghề, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe, trình độ ngoại ngữ của họ còn nhiều hạn chế.

Các học viên nghề hầu hết xuất phát từ lao động trong nông nghiệp, đời sống còn nhiều khó khăn, nhưng kinh phí học nghề do người lao động phải đóng lại có xu hướng tăng. Điều này làm ảnh hưởng đến số lao động được đào tạo nghề của xã, do đó ảnh hưởng đến nhu cầu tuyển dụng lao động của nhà tuyển dụng do không đáp ứng yêu cầu công việc hay nói khác nó sẽ ảnh hưởng đến công tác giải quyết việc làm cho người lao động.

Một loạt những tồn tại trong công tác đào tạo nghề trên là nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất việc làm do không đáp ứng được yêu cầu, giảm nhu cầu tuyển dụng do đó dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp cao. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến chất lượng nguồn lao động chưa cao và không đồng đều giữa các khu vực.

Việc hỗ trợ phát triển kinh tế của địa phương đối với các đơn vị kinh doanh, sản xuất còn mang tính hình thức, chưa có sự quan tâm sát sao.

Do việc phát triển kinh tế chưa đi liền với đào tạo lao động vì vậy lao động trên địa bàn có trình độ thấp nên khó tìm kiếm được việc ở các đơn vị kinh doanh, sản xuất, dù kiếm được việc làm nhưng mức lương khá thấp và công việc nặng nhọc.

## **4. Kết luận và kiến nghị**

### **4.1. Kết luận**

Tạo việc làm cho lao động, đặc biệt là lao động tại các khu vực biên giới khó khăn của tỉnh Lạng Sơn là hết sức quan trọng, trong đó có xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định. Nhận thức được tầm quan trọng đó, thời gian qua tỉnh Lạng Sơn cũng như huyện Tràng Định đã vận dụng nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, cụ thể hóa nhiều cách làm khác nhau nhằm

tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nói chung, lao động xã Quốc Khánh nói riêng. Tuy nhiên, việc tạo việc làm cho lao động thời gian của của xã vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân như đã chỉ ra ở trên. Thời gian tới, để tiếp tục tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân trong xã, thì các nhiệm vụ cần phải được làm ngay gồm:

Cụ thể hóa các chính sách, chủ trương, đường lối của nhà nước về giải quyết việc làm cho người lao động, bên cạnh đó cần phải quan tâm đến xây dựng và kiện toàn hệ thống chính trị, tích cực chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, tích cực xóa đói giảm nghèo, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, hỗ trợ vay vốn, vật tư kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất để họ tự vươn lên.

Cần tăng cường quản lý về đất đai, dân số, lao động. Phân lớn những lao động có được những thông tin về việc làm qua xã, do đó cần đầu tư phương tiện cập nhật thông tin về việc làm. Cần tuyển chọn đội ngũ có trình độ, phẩm chất để thực hiện khâu giới thiệu việc làm cho lao động, giảm chi phí xin việc cho các hộ nông dân trong tìm việc làm.

### **4.2. Kiến nghị**

Tỉnh Lạng Sơn cần củng cố mạng lưới trường, lớp nâng cao chất lượng ở những vùng sâu, xa. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao đội ngũ giáo viên giải quyết khâu chất lượng giáo viên ngay từ việc tuyển chọn đầu vào.

Chú trọng phát triển các làng nghề truyền thống, ngành nghề thủ công, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, lao động chưa qua đào tạo, lao động thất nghiệp và thiếu việc làm.

Tuyên truyền vận động người dân thực hiện tốt chương trình kinh tế kế hoạch hóa gia đình, các chính sách dân số phải mềm dẻo thích hợp với chương trình xã hội nhằm làm giảm sức ép và việc làm và dân số.

Nhà nước và các địa phương cần có giải pháp tuyên truyền kiến thức pháp luật về luật lao động, thông tin về thị trường lao động, mở rộng các khu công nghiệp tại địa phương để thu hút lao động tập trung, lao động dài hạn.

Các địa phương có dự án, chương trình tạo việc làm đã làm cho khả năng tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp của lao động giảm xuống.

Ngoài ra tỉnh Lạng Sơn và Xã Quốc Khánh cần thực hiện các giải pháp sau:

*Giải pháp đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.*

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế phải đảm bảo phát triển ổn định kinh tế - xã hội nhằm nâng cao mục tiêu hiệu quả sử dụng đất đai, lao động,

nguồn vốn,... nhưng với mỗi ngành kinh tế thì phải có hướng phát triển khác nhau.

*Giải pháp về đầu tư nâng cao, cải tạo, xây dựng cơ sở hạ tầng cho giải quyết việc làm.*

*Thứ nhất*, cần xây mới, nâng cấp hệ thống đường giao thông để người dân đi lại dễ dàng hơn, thuận lợi trong việc mua bán, trao đổi hàng hóa, phát triển sản xuất. *Thứ hai*, hệ thống thông tin liên lạc cần được phát triển, mở phòng máy tính tại UBND xã để mọi người có thể truy cập internet, tiếp cận với thông tin thị trường nhanh và hiệu quả hơn, giúp cho người dân có cái nhìn mới về xã hội. *Thứ ba*, xây dựng phòng học riêng cho đào tạo nghề, mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho quá trình đào tạo nghề để tất cả các học viên đều có thể thực hành đầy đủ trong quá trình học tập.

*Tạo việc làm cho lao động thông qua xuất khẩu lao động, giới thiệu việc làm*

Xuất khẩu lao động là hướng giải quyết việc làm, mang lại thu nhập cao cho lao động, đặc biệt là đối với lao động nông thôn. Trong thời gian, để thực hiện mục tiêu từng bước tăng quy

mô xuất khẩu lao động, chính quyền nên có giải pháp mang tính đồng bộ như:

Tuyên truyền hướng dẫn người lao động đi xuất khẩu lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức đoàn thể, thông báo công khai, cụ thể thị trường lao động, số lượng, thời gian, tiêu chuẩn chọn lựa, điều kiện, pháp luật về lao động của nước có nhu cầu tuyển dụng cũng như các loại chi phí phải đóng, mức lương và quyền lợi được hưởng để người lao động tìm hiểu và có kế hoạch lựa chọn tham gia xuất khẩu lao động.

Đào tạo lao động đáp ứng những yêu cầu của nước tuyển dụng, rèn nghề kỹ năng, tay nghề cho lao động, hỗ trợ cho vay vốn bước đầu cho lao động có điều kiện đi xuất khẩu lao động.

Tìm kiếm các thị trường tiềm năng mới về xuất khẩu lao động, bên cạnh đó tận dụng những thị trường có sẵn, tạo mối liên kết để lao động có nhiều cơ hội hơn trong việc xuất khẩu lao động.

Coi trọng công tác đào tạo nguồn và giới thiệu lao động có ý thức kỷ luật tốt, chấp hành tốt các quy định của pháp luật để tham gia xuất khẩu đi làm việc ở nước ngoài.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Quảng An. (2016). *Đồng bộ trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn*, truy cập ngày 06 tháng 7 năm 2016 tại: <http://baoquangninh.com.vn/xa-hoi/201606/dong-bo-trong-dao-tao-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-lao-dong-nong-thon-2309484/>
- [2]. Chi cục Thống kê huyện Tràng Định. (2016). *Niên giám thống kê huyện Tràng Định*. Nhà xuất bản Thống Kê.
- [3]. CIEM. (2006). Các yếu tố tác động tới quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam. *Báo cáo nghiên cứu*, tr.85.
- [4]. Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn. (2016). *Niên giám thống kê tỉnh Lạng Sơn*. Nhà xuất bản Thống Kê.
- [5]. Trần Văn Điền, Hồ Ngọc Sơn. (2014). Kiến thức bản địa của người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc trong thích ứng với biến đổi khí hậu. *Hội thảo quốc tế “Phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo cho người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc”*, do dự án Care tổ chức.
- [6]. Phạm Văn Đình, (1998). *Phát triển xí nghiệp hương trấn ở Trung Quốc*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà Nội, tr. 17.
- [7]. Hồng Ngọc. (2015). Thực trạng và giải pháp quản lý lao động sang Trung Quốc làm việc ở Đồng Văn. *Báo Hà Giang*, ngày 09/04/2015, truy cập ngày 20 tháng 6 năm 2017. Xem trực tiếp tại địa chỉ: <http://www.baohagiang.vn/xa-hoi/201504/thuc-trang-va-giai-phap-quan-ly-lao-dong-sang-trung-quoc-lam-viec-o-dong-van-577297/>.
- [8]. Thương Huyền. (2016). *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Những “nút thắt” cần tháo gỡ*, truy cập ngày 6 tháng 7 năm 2016 tại [http://baobacninh.com.vn/news\\_detail/86944/dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-nhung-nut-that-can-thao-go.html](http://baobacninh.com.vn/news_detail/86944/dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-nhung-nut-that-can-thao-go.html).
- [9]. Việt Lam. (2017). Thực trạng và giải pháp quản lý lao động sang Trung Quốc làm việc ở Đồng Văn. *Báo điện tử Biên phòng*, ngày 95 tháng 5 năm 2017, truy cập ngày 20 tháng 6 năm 2017. Xem trực tiếp tại địa chỉ: <http://www.bienphong.com.vn/tim-giai-phap-cho-thanh-nien-that-nghiep-o-vung-cao/>

- [10]. Phạm Ngọc Linh. (2009). Vấn đề giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, (144), tháng 6/2006.
- [11]. Chu Tiến Quang. (2001). *Việc làm ở nông thôn, thực trạng và giải pháp*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp Hà Nội.
- [12]. Dương Thanh Tình, Trần Văn Quyết. (2015). *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, tháng 03 năm 2015, ISSN 1859 - 2171 tập 143(13/2): 41 - 46
- [13]. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn - Ban chỉ đạo Đại hội các dân tộc thiểu số. (2009). *Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Lạng Sơn lần thứ nhất – năm 2009*.
- [14]. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn – Ban chỉ đạo giảm nghèo tỉnh Lạng Sơn. (2011). *Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo theo Nghị quyết số 58/2006/NQ-HĐND ngày 21/7/2006 của HĐND tỉnh về Chương trình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*.

---

**Thông tin tác giả:**

**1. Nguyễn Phương Đại**

- Đơn vị công tác: Kho Bạc Nhà nước huyện Tràng Định – Tỉnh Lạng Sơn

**2. Nguyễn Tiên Phong**

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD  
- Địa chỉ email: [phongnguyensport@tueba.edu.vn](mailto:phongnguyensport@tueba.edu.vn)

**3. Đỗ Đức Quang**

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

**4. Trần Huy Ngọc**

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 18/05/2018

Ngày nhận bản sửa: 22/05/2018

Ngày duyệt đăng: 12/06/2018